TỔNG HỢP CÁC BẢN ÁN TRANH CHẤP GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ TRONG CÔNG TY

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	**29/2017 /KDTM-PT**	**14/08/2017**	**TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh**	**Bản án số 29/2017/KDTM-PT ngày 14/08/2017 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh V/v "Tranh chấp về trách nhiệm dân sự của người quản lý công ty"** **Thông tin chung** - Quan hệ pháp luật:Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty... - Cấp xét xử:Phúc thẩm - Loại vụ/việc:Kinh doanh thương mại - Tòa án xét xử:TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ/việc: Sửa án sơ thẩm **Tóm tắt nội dung vụ án:** Ông Kakazu S được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), kiêm Tổng giám đốc Công ty NLQ4 (Công ty STT) từ tháng 9/2014. Ông Kakazu S đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty gây thiệt hại cho Công ty STT. Vì vậy, ông H yêu cầu: 1. Tuyên bố Hợp đồng thuê văn phòng số 2415-HĐTVP/2015/PVM SGSGTTC ngày 06/5/2015 giữa Công ty STT và Công ty NLQ3 (Công ty NLQ3) vô hiệu do người tham gia ký kết hợp đồng là ông Kakazu S không có thẩm quyền, việc này do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Công ty quyết định. 2. Yêu cầu ông Kakazu S bồi thường 1.483.954.720 đồng, gồm các thiệt hại sau: - Thiệt hại do ký hợp đồng thuê văn phòng số 2415-HĐTVP/2015/PVM SGSGTTC trái pháp luật để chuyển trụ sở từ số 25 P, quận 1 về số 11bis NGT, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh khi chưa xin ý kiến ĐHĐCĐ tính	https://drive.google.com/file/d/1C1cCeADjucWTklybcT8D6ILEPhzIqMhf/view?usp=drive_link

				từ tháng 06/2015 đến tháng 11/2015 là: 1.017.094.720 đồng (gồm chi phí thuê mặt bằng 877.050.720 đồng và chi phí sửa chữa mặt bằng 140.044.000 đồng). - Thiệt hại 72.000.000 đồng (gồm hành vi sử dụng lao động là người nước ngoài khi chưa có giấy phép lao động, bị Thanh tra Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh phạt 60.000.000 đồng và sử dụng lái xe để tham gia kinh doanh vận tải mà không có hợp đồng lao động, bị Thanh tra Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh phạt 12.000.000 đồng. - Thiệt hại 384.160.000 đồng do ký hợp đồng với xe liên kết hoạt động taxi không tuân thủ theo pháp luật quy định, gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Công ty. Sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Kakazu S có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tuyên bố Hợp đồng số 2415-HĐTVP/2015/PVM SGSGTTC vô hiệu và không đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty STT như quyết định của bản án sơ thẩm. **Toà án sơ thẩm tuyên:** 1. Hợp đồng số 2415-HĐTVP/2015/PVM SG-SGTTC giữa Công ty NLQ3 và Công ty STT ký ngày 06/5/2015 là vô hiệu. 2. Ông Kakazu S phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty STT 1.483.954.720 đồng. 3. 3. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu: Đòi bồi thường khoản tiền đặt cọc 48.000.000 đồng của Công ty BVLV, bồi thường 4 tháng tiền lương thử việc cho ông Nguyễn Văn P (Giám đốc Công ty BVLV) là 66.000.000 đồng và thiệt hại do trả lương cho ông Phạm Tuấn H2 với tư cách Phó Tổng giám đốc Công ty là 16.907.650 đồng. **Toà án phúc thẩm tuyên:** 1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Kakazu S. 2. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 857/2016/KDTM-ST ngày 19/8/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Kakazu S bồi thường cho Công ty NLQ4. Buộc ông Kakazu S phải bồi thường cho Công ty NLQ4 65.000.000 *(Sáu*	

				mươi lăm triệu) đồng, gồm 60.000.000 đồng do việc sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam không có giấy phép lao động và 5.000.000 đồng do việc sử dụng lái xe để tham gia kinh doanh vận tải mà không có hợp đồng lao động theo quy định, đã bị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh phạt về hành vi vi phạm hành chính. 4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng số 2415-HĐTVP/2015/PVM SG-SGTTC ngày 06/5/2015 giữa Công ty NLQ3 với Công ty NLQ4. 5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Kakazu S bồi thường cho Công ty NLQ4 1.408.254.720 đồng, gồm 1.017.094.720 đồng do việc ký hợp đồng trái pháp luật để chuyển trụ sở từ số 25 P, phường NTB, quận 1 sang tầng trệt tòa nhà PSG tại số 11bis NGT, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; 384.160.000 đồng do ký hợp đồng liên kết taxi trái pháp luật và 7.000.000 đồng do bị phạt về hành vi không thực hiện đúng các nội dung niêm yết giá cước taxi. 6. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Kakazu S bồi thường tiền đặt cọc 48.000.000 đồng của Công ty BVLV, 66.000.000 đồng là tiền lương thử việc 4 tháng của ông Nguyễn Văn P, Giám đốc Công ty BVLV và 16.907.650 đồng là tiền lương trả cho ông Phạm Tuấn H2 với tư cách Phó Tổng giám đốc Công ty Công ty NLQ4. 7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. 8. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 54.247.641, khấu trừ 24.124.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 09731 ngày 10/12/2015 và số 09246 ngày 17/9/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông H còn phải nộp 30.123.641 *(Ba mươi triệu một trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm bốn mốt)* đồng. Ông Kakazu S phải chịu 3.250.000 *(Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn)* đồng. 9. Về án phí phúc thẩm: Ông Kakazu S không phải chịu và được hoàn lại 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0031049 ngày 01/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. **Cơ sở pháp lý:**	

				- Bộ luật dân sự năm 2015: Điều 308, Điều 309; khoản 2 Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2005: Điều 122; Điều 307, Điều 605; - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 5 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 37 - Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 160, Điều 161 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Luật Thi hành án dân sự: Điều 2,6,7,9, 30.	
2.	**02/2018/ KDTM-ST**	**31/01/2018**	**TAND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu**	**Bản án số 02/2018/KDTM-ST ngày 31/01/2018 của TAND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu V/v Tranh chấp thành viên Công ty** **Thông tin chung** - Quan hệ pháp luật:Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty... - Cấp xét xử:Sơ thẩm - Loại vụ/việc:Kinh doanh thương mại - Tòa án xét xử:TAND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ/việc: Công nhận biên bản họp và Nghị quyết của Hội đồng thành viên công ty TNHH. **Tóm tắt nội dung vụ án:** Công ty TNHH Y (gọi tắt là Công ty Y) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24-02-2010 gồm 03 thành viên là Công ty Cổ phần Du lịch X chiếm 7,12% vốn điều lệ (người đại diện là ông Trần Tuấn V), Công ty TNHH Z chiếm 90,75% vốn điều lệ (người đại diện là bà Nguyễn Thị M) và bà Nguyễn Thị H chiếm 2,13 % vốn điều lệ. Bà Nguyễn Thị M giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên – người đại diện theo pháp luật của Công ty Y.	https://drive.google.com/file/d/1Gw7MWN7Y7d0OxlQ3c1xC-4SC_bpd8U11/view?usp=drive_link

				Từ khi được thành lập cho đến nay Công ty Y đã 02 lần cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Điều lệ Công ty chưa đăng ký thay đổi lần nào; Bà M bắt đầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên từ ngày 24-02-2010. Năm 2013, Công ty TNHH Z (gọi tắt là Công ty Z) có biên bản họp Hội đồng thành viên số 16/BB. HĐTV ngày 11-4-2013 và Quyết định của Hội đồng thành viên số 17/QĐ – HĐTV ngày 12-4-2013, cử ông Vũ Đào H đại diện cho Công ty Z tham gia vào Hội đồng thành viên của Công ty Y thay cho bà Nguyễn Thị M. Theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, Công ty Y đã tiến hành họp Hội đồng thành viên, Biên bản cuộc họp số 38/BB.HĐTV ngày 22-4-2013 thể hiện: Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm tiến hành hoàn tất các văn bản pháp lý theo quy định và đăng ký thủ tục thay đổi thành viên tại phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, người đại diện của Công ty Z là ông Vũ Đào H thay thế cho bà M tham gia vào Hội đồng thành viên của Công ty Y và đăng ký thay đổi Điều lệ của Công ty Y, ông H là đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty Z và được quyền biểu quyết trong các cuộc họp của Hội đồng thành viên tại Công ty Y. Trên cơ sở nội dung như cuộc họp trên, cùng ngày Hội đồng thành viên Công ty Y đã ban hành Quyết định số 39/QĐ – HĐTV quyết định: Ông Vũ Đào H là thành viên Hội đồng thành viên Công ty Y đại diện cho Công ty Z tham gia và biểu quyết trong các cuộc họp của Hội đồng thành viên Công ty Y. Biên bản và Quyết định như vậy nhưng bà M không thực hiện nên Công ty Cổ phần Du lịch X (gọi tắt là Công ty X) và bà Nguyễn Thị H sau đó yêu cầu họp Hội đồng thành viên, tương tự như nội dung biên bản số 38/BB.HĐTV ngày 22-4-2013. Tại các cuộc họp bà M đều đồng ý nhưng sau đó bà M vẫn không thực hiện, bà M cho rằng giải pháp thay người đại diện theo pháp luật của Công ty Y là ông Vũ Đào H chưa hẳn là cách tốt nhất nên bà từ chối ký các văn bản tiếp theo để làm thủ tục thay thế người đại diện tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Việc ông H hay bà M đại diện cho Công ty Z là do nội bộ Công ty Z, đến thời điểm hiện tại Công ty X chưa nhận được các văn bản nào của Công ty Z về việc chấm dứt tư cách đại diện Công ty Z của ông Vũ Đào H, nên bà M có ý kiến gì pH gửi văn bản cho các thành viên của Công ty Y. Do vậy, ngày 15-12-2016 Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án bãi nhiệm tư cách Chủ tịch Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật của Công ty Y đối với bà Nguyễn Thị M và thu hồi toàn bộ sổ sách, chứng từ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, con dấu của Công ty Y. Tuy nhiên ngày 15-9-2017, Công ty X thay đổi toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu như sau:	

				- Công nhận Biên bản họp Hội đồng thành viên số 38/BB.HĐTV ngày 22-4-2013 của Công ty Y. - Công nhận Quyết định số 39/QĐ – HĐTV ngày 22-4-2013 của Công ty Y. **Toà án sơ thẩm tuyên:** 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X: Công nhận Biên bản họp Hội đồng thành viên số 38/BB – HĐTV ngày 22-4-2013 của Công ty Y và Quyết định số 39/QĐ – HĐTV ngày 22-4-2013 của Công ty Y. 2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty X không phải nộp, được trả tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên ai số 0002270 ngày 13-3-2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu 3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự **Cơ sở pháp lý:** - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Khoản 4 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; Điểm a khoản 1 Điều 39 - Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 50, 51, 52, 53 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Khoản 1 Điều 26 - Luật Thi hành án dân sự: Điều 2,6,7,9, 30.	
3.	**50/2018/ KDTM-PT**	**25/10/2018**	**TAND cấp**	**Bản án 50/2018/KDTM-PT ngày 25/10/2018 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh V/v "Tranh chấp giữa các thành viên công ty liên quan đến việc thành lập, hoạt động công ty"** **Thông tin chung**	https://drive.google.com/file/d/1ErIwULLGBd3f9-CLDfDi

			cao tại TP Hồ Chí Minh	- Quan hệ pháp luật:Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty... - Cấp xét xử:Phúc thẩm - Loại vụ/việc:Kinh doanh thương mại - Tòa án xét xử:TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ/việc: Giữ nguyên bản án sơ thẩm **Tóm tắt nội dung vụ án:** Bà H và bà Nh thỏa thuận góp vốn để chuyển nhượng phần vốn góp của ông NLQ1 và ông Nguyễn Hoàng N là sáng lập viên NLQ2 (NLQ2). Tổng trị giá chuyển nhượng là 2.200.000.000 đồng, trong đó, bà H góp 67% và bà Nh góp 33%. Thực hiện thỏa thuận, bà H đã thanh toán 2.200.000.000 đồng cho ông NLQ1 và ông N, đồng thời các bên đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng, cụ thể: Ông NLQ1 chuyển nhượng cho bà H 57% và ông N chuyển nhượng cho bà Nh 33% phần vốn góp của Công ty. Phần 10% của ông NLQ1 sẽ chuyển tiếp cho bà H sau. Ngày 10/11/2017, ông NLQ1 ủy quyền cho bà H được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến trách nhiệm và quyền lợi đối với phần vốn 10% của ông NLQ1. Tuy nhiên, bà Nh đã không thực hiện nghĩa vụ góp vốn 33% (tương đương với 726.000.000 đồng) theo thỏa thuận, không ký trên các giấy tờ liên quan để chuyển nhượng phần vốn 10% của ông NLQ1 cho bà H. Vì vậy, bà Nh đã vi phạm Điều lệ Công ty là không thực hiện nghĩa vụ góp vốn nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xóa tư cách thành viên của bà Nh trong NLQ2. **Toà án sơ thẩm tuyên:** 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H: Bà Bùi Thị Quỳnh Nh không còn là thành viên của NLQ2. 2. NLQ2 có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. **Toà án phúc thẩm tuyên:**	kWzd0p0R7y3m/view?usp=drive_link

				1. Không chấp nhận kháng cáo của Bùi Thị Quỳnh Nh. 2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai 3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H: Bà Bùi Thị Quỳnh Nh không còn là thành viên của NLQ2. 4. NLQ2 có trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014. 5. Về án phí: - Án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Quỳnh Nh phải chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Xuân H không phải chịu và được trả lại số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001209 ngày 18/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. - Án phí phúc thẩm: Bà Bùi Thị Quỳnh Nh phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011483 ngày 17/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, bà Nh đã nộp xong. **Cơ sở pháp lý:** - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Điều 30, Điều 37, Điều 147; khoản 1 Điều 308 - Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 32, khoản 1 Điều 36, khoản 2 Điều 48, khoản 1 Điều 53 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án	
4.	**507/2020/ KDTM-ST**	**29/04/2020**	**TAND TP. Hồ**	**Bản án số 507/2020/KDTM-ST ngày 29/04/2020 của TAND TP. Hồ Chí Minh V/v tranh chấp trách nhiệm của người quản lý công ty** **Thông tin chung**	https://drive.google.com/file/d/1-R5xMZ6UXRBHxQbBpe

			Chí Minh	- Quan hệ pháp luật:Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty... - Cấp xét xử:Sơ thẩm - Loại vụ/việc:Kinh doanh thương mại - Tòa án xét xử:TAND TP. Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ/việc: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NĐ **Tóm tắt nội dung vụ án:** Ngày 16/6/2011, Công ty TNHH T (gọi tắt là "Công ty T") do Bà Nguyễn Thị Kim X2 làm đại diện theo pháp luật ký hợp đồng thuê nhà số 156/HĐTN-KD với Công ty TNHH H1 (gọi tắt là "Công ty QLN"). Nội dung Hợp đồng là hai bên thỏa thuận thuê căn nhà tại số 448, đường B, Phường MH, Quận M, TP.HCM. Ngày 17/11/2015, các bên tiếp tục ký phụ lục số 164/PLĐC-QLKDN-KD gia hạn thời hạn thuê đến 30/6/2016 mặc dù từ đầu năm 2015 phía Công ty T chưa thanh toán tiền thuê nhà. Ngày 30/11/2015, Công ty T được chỉ định mua căn nhà 448, đường B, Phường MH, Quận M, TP.HCM. Sau khi ký kết Hợp đồng mua bán nhà đất, Công ty T vẫn không thanh toán tiền thuê nhà theo Hợp đồng thuê nhà đã ký và cũng không thanh toán tiền mua nhà theo Hợp đồng mua bán nhà đất. Ngày 30/9/2016, bà Tăng Thị Tuyết H2 và các cổ đông Công ty Cổ phần T ký kết Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp theo đó bà Tăng Thị Tuyết H2 sẽ trở thành chủ sở hữu công ty sở hữu 100% vốn điều lệ. Cùng ngày, Bà Nguyễn Thị Kim X2 lập Bản cam kết sẽ chịu trách nhiệm bằng tài sản cá nhân của mình với các khoản nợ, tiền thuế liên quan với các giao dịch phát sinh của Công ty TNHH T. Tuy nhiên, sau khi chuyển nhượng, bà X2 không đủ khả năng thanh toán các khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh từ trước thời điểm chuyển nhượng. Ngày 14/12/2016, Bà Nguyễn Thị Kim X2 và bà Tăng Thị Tuyết H2 đã ký Biên bản làm việc để thỏa thuận việc thanh toán tiền thuê nhà còn nợ Công ty QLN ước tính 1.900.000.000 đồng. Theo đó, khoản tiền này do bà Tăng Thị Tuyết H2 tạm ứng nộp vào tài khoản của Công ty T để trả nợ dứt điểm tiền thuê nhà cho Công ty QLN và bà X2 cam kết sẽ trả lại bằng cách: - Cấn trừ khoản tiền ký quỹ khi thuê nhà là 120.000.000 đồng;	J_HkVyhHkJSpah/view?usp=drive_link

				- Cấn trừ tiền chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là 1.000.000.000 đồng; - Cấn trừ khoản làm tròn số tiền mua nhà là 27.540.973 đồng; - Thanh toán 100.000.000 đồng trong vòng 01 ngày sau khi ký Biên bản; - Thanh toán trong 04 tháng, mỗi tháng 100.000.000 đồng. Biên bản cũng quy định thời hạn trả tiền chậm nhất là ngày 05/3/2017, các bên sẽ phải xác định cụ thể số tiền và quyết toán. Thực hiện theo cam kết tại Biên bản, bà Tăng Thị Tuyết H2 đã tiến hành nộp tiền vào tài khoản của Công ty T để nhân danh Công ty T trả số tiền thuê nhà, tiền phạt chậm thanh toán tiền thuê nhà và tiền nợ từ trước tháng 01/2015 của Công ty T tổng cộng là 1.809.730.161 đồng. Sau khi cấn trừ các khoản tiền, tổng số tiền bà X2 còn phải thanh toán cho Công ty T là 662.189.188 đồng. Tuy nhiên, từ ngày ký kết Biên bản đến nay đã quá thời hạn trả tiền, mặc dù Công ty T đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà X2 vẫn không thanh toán đủ các khoản tiền theo thỏa thuận. Việc chậm trễ không thanh toán tiền của Bà Nguyễn Thị Kim X2 đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T. Nay nguyên đơn Công ty TNHH T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Bà Nguyễn Thị Kim X2 thanh toán tổng cộng 860.795.169 đồng, trong đó 662.189.188 đồng (Sáu trăm sáu mươi hai triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, một trăm tám mươi tám đồng) nợ tiền thuê nhà từ tháng 01/2015 của Công ty thuộc nghĩa vụ của bà X2 được bà H2 thanh toán thay cho Công ty Quản lý nhà Thành phố H1; và 198.596.981 đồng lãi suất chậm trả tiền 10%/năm tính từ ngày 05/3/2017 đến ngày 29/4/2020. Nguyên đơn đề nghị Tòa án không triệu tập ông Nguyễn Thành Đ1 và ông Đào K1, vì không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. **Toà án sơ thẩm tuyên:** 1. Buộc Bà Nguyễn Thị Kim X2 thanh toán cho Công ty TNHH T Tổng cộng: 847.738.224 (Tám trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm hai mươi bốn) đồng, trong đó 662.189.188 đồng nợ tiền thuê nhà, và lãi 185.549.036 đồng.	

				2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. 3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.432.147 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi bảy đồng), Bà Nguyễn Thị Kim X2 chịu. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.098.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0044982 ngày 29/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H1. 4. Việc thi hành án được thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án. **Cơ sở pháp lý:** - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Khoản 5 Điều 30, Điều 37, Điều 39; Điều 180, khoản 2 Điều 227, Điều 228 - Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 160 - Luật Thương mại 2005: Điều 306 - Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất: điểm b khoản 1 Điều 13 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Luật thi hành án dân sự: Điều 2,6,7,9, 26, 30	
5.	**1397/ KTST/KD TM-ST**	**06/10/2017**	**TAND TP. Hồ**	**Bản án số 1397/KTST/KDTM-ST ngày 06/10/2017 của TAND TP. Hồ Chí Minh V/v "Tranh chấp về trách nhiệm dân sự của người quản lý công ty"** **Thông tin chung** - Quan hệ pháp luật:Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty...	https://drive.google.com/file/d/1a_h90MFcK2pzJ0P3hmnYPg05bZsne

			Chí Minh	- Cấp xét xử:Sơ thẩm - Loại vụ/việc:Kinh doanh thương mại - Tòa án xét xử:TAND TP. Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận yêu cầu **Tóm tắt nội dung vụ án:** Ông Nguyễn Văn K là cổ đông sở hữu 492.681 cổ phần, tương đương 7,57% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần T và cũng là thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần T. Ông Nguyễn Văn Kh – Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần T đã vi phạm nghĩa vụ của người quản lý theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau: - Lợi dụng chức vụ và quyền hạn của mình, ngày 10/11/2016 ông Nguyễn Văn Kh – Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần T đã rút 10.000.000.000 đồng tiền mặt khỏi quỹ Công ty sau khi ký Giấy đề nghị tạm ứng với lý do tạm ứng là thực hiện dự án mở rộng sản xuất ở nhà máy Bình Dương (ông Nguyễn Văn Kh vừa ký là người tạm ứng, vừa ký là người duyệt tạm ứng). Ngày 11/11/2016, nhóm cổ đông lớn chiếm 45,84% (trong đó có Nguyễn Văn K) Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần T, do ông Đào Hữu H – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm đại diện đã phát hiện ra việc ông Nguyễn Văn Kh rút 10 tỷ đồng khỏi quỹ tiền mặt. Ông Đào Hữu H đã ngay lập tức có văn bản số 04/2016-VBKN ngày 14/11/2016 gửi ông Nguyễn Văn Kh để yêu cầu ông Kh hoàn trả lại Công ty số tiền 10 tỷ đồng đã rút khỏi Công ty. Vì tại thời điểm đó, Hội đồng quản trị Công ty chưa họp và chưa thông qua bất kỳ dự án mở rộng sản xuất nào ở nhà máy Bình Dương. Sau khi biết vụ việc xảy ra, Nguyễn Văn K với tư cách là thành viên Ban kiểm soát cũng đã có văn bản yêu cầu ông Nguyễn Văn Kh hoàn trả lại Công ty số tiền 10 tỷ đồng đã rút. Sau khi cả Phó chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Đào Hữu H đại diện cho nhóm cổ đông chiếm 45,84% cổ phần có quyền biểu quyết và thành viên Ban Kiểm soát yêu cầu ông Nguyễn Văn Kh hoàn trả lại tiền, thì ngày 16/11/2016 ông Nguyễn Văn Kh đã hoàn trả lại Công ty số tiền 10 tỷ đồng tiền mặt. Ông Nguyễn Văn Kh đã vi phạm quy định nghĩa vụ của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 52 Điều lệ Công ty. Cụ thể là ông Kh đã lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Điển hình là việc rút 10 tỷ đồng tiền mặt khỏi quỹ với lý do không rõ ràng. - Sau vụ việc rút 10 tỷ đồng bị phanh phui, nhiều cán bộ trong Công ty biết, lợi dụng chức vụ và quyền hạn của mình, từ ngày 24/11/2016 ông Nguyễn Văn Kh đã ngăn cản, không cho Phòng Kế hoạch Tổng hợp Công	R22/view?usp=drive_link

				ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông Nguyễn Hồng N – Thành viên Hội đồng quản trị. Mặc dù trước ngày 24/11/2016, Phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty vẫn cung cấp thông tin đều hàng ngày cho ông Nguyễn Hồng N – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty số liệu sản xuất và bán hàng hàng ngày. Ông Nguyễn Hồng N – thành viên Hội đồng quản trị đã ba lần gửi yêu cầu cung cấp thông tin (vào các ngày 25/11/2016, 29/11/2016 và 01/12/2016) tới ông Nguyễn Văn Kh – Giám đốc Công ty, nhưng ông Kh không cung cấp. Ngày 25/11/2016, ông Đào Hữu H ký văn bản số 06/VBNK gửi tới ông Nguyễn Văn Kh để yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định về quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 42 Điều lệ Công ty. Ngày 05/12/2016, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần T cũng có văn bản số 02/2016/BKS gửi ông Nguyễn Văn Kh để yêu cầu ông Kh chấm dứt hành vi vi phạm nghĩa vụ người quản lý và yêu cầu ông Kh phải thực hiện đúng nghĩa vụ của người quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngày 06/12/2016, ông Kh ký văn bản số 58/T gửi ông Đào Hữu H và ông Nguyễn Hồng N. Theo đó, ông Kh từ chối việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông Đào Hữu H – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Hồng N – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần T. Ông Nguyễn Văn Kh với tư cách là Giám đốc Công ty, đã vi phạm quy định về quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 52 Điều lệ Công ty. - Ông Nguyễn Văn Kh là cổ đông mới, được Đại hội cổ đông bất thường năm 2016 của Công ty Cổ phần T bầu vào Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị Công ty bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng quản trị vào ngày 16/9/2016. Tuy nhiên, kể từ phiên họp Hội đồng quản trị ngày 16/9/2016 (là ngày tổ chức Đại hội cổ đông bất thường), ông Nguyễn Văn Kh chưa tổ chức thêm bất kỳ một cuộc họp Hội đồng quản trị nào. Ngày 18/10/2016 và ngày 27/10/2016, ông Đào Hữu H đã ký văn bản gửi ông Nguyễn Văn Kh để đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị nhằm đánh giá tình hình hoạt động trong Quý 3/2016 và đưa ra phương hướng, kế hoạch trong Quý 4/2016, nhưng ông Kh vẫn chưa triệu tập họp. Ông Kh đã không thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Điều lệ Công ty, không tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Điều lệ Công ty. Trong quá trình xảy ra tranh chấp vừa rồi, các cổ đông đã nhiều lần đưa ra đề nghị triệu tập họp hay gặp mặt để các bên cùng tìm ra phương hướng giải quyết, tuy nhiên ông Nguyễn Văn Kh không hợp tác, thường né tránh việc gặp mặt các cổ đông để giải quyết mâu thuẫn của các bên.	

				Vì vậy, Nguyễn Văn K khởi kiện ông Nguyễn Văn Kh – Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần T đã vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty, yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn Kh phải mất tư cách Giám đốc tại Công ty Cổ phần T theo quy định tại tiết b, Khoản 3 Điều 49 Điều lệ Công ty. **Toà án sơ thẩm tuyên:** 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn Kh phải mất tư cách Giám đốc tại Công ty Cổ phần T theo quy định tại tiết b, Khoản 3 Điều 49 Điều lệ Công ty. 2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm ông Nguyễn Văn K phải chịu 3.000.000 đồng nhưng được trừ 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2016/0034207 ngày 15/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn K đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm. **Cơ sở pháp lý:** - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Khoản 4 Điều 30; Khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 149 - Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 155 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Luật thi hành án dân sự: Điều 2,6,7,9, 30	
6.	**04/2022/ KDTM-PT**	**22/02/2022**	**TAND cấp cao tại Đà Nẵng**	**Bản án số 04/2022/KDTM - PT ngày 22/02/2022 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng V/v "Tranh chấp bàn giao tài sản công ty"** **Thông tin chung** - Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty... - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Đà Nẵng	https://drive.google.com/file/d/1zGXdGsJPTeVeHlm32y51UpL47BtUqBlh/view?usp=drive_link

				- Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Xi măng N. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2021/KDTM-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. **Tóm tắt nội dung vụ án:** Bà Phạm Thị S nguyên là Giám đốc-kiêm chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần xi măng N từ năm 2012 đến ngày 31 tháng 1 năm 2019. Trong trong quá trình điều hành và quản lý công ty của mình, bà S đã có những sai phạm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của công ty cụ thể như sau: Ngày 28 tháng 12 năm 2018 bà S đã thành lập ban kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm hàng hóa tồn kho hiện tại của công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong đó, bà Huỳnh Thị kim L-Phó phòng kế toán vật tư kiêm Kế toán tổng hợp của Công ty, đồng thời là con dâu của bà S và bà Nguyễn Thị Kim N Phó phòng Kế hoạch vật tư kiêm Thống kê vật tư là cháu bà S là những người trực tiếp tổng hợp số liệu, lập bản kiểm kê vào ngày 02 tháng 01 năm 2019. Sau khi việc kiểm tra kết thúc, bà S đã chỉ đạo nhân viên lập báo cáo quyết toán tài chính quý IV năm 2018 và gửi đến các thành viên lãnh đạo Công ty (trong đó ông Trần Đình T lúc này đang giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh) vào sáng ngày 17 tháng 01 năm 2019, trước ngày dự kiến tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2019 một ngày. Trong cuộc họp sáng ngày 17 tháng 01 năm 2019 ông Trần Đình Thành đã yêu cầu bà S cam kết tính chính xác, trung thực về số liệu trong Báo cáo quyết toán tài chính và yêu cầu bà S giải thích lý do không thực hiện việc tổ chức họp giải quyết hàng thừa, thiếu trước khi lập Báo cáo quyết toán tài chính năm 2019. Tại thời điểm đó trước sự chứng kiến của các thành phần tham dự bà S khẳng định khối lượng Clinker tồn kho 500 tấn và chịu trách nhiệm trong trường hợp thiếu hụt. Tuy nhiên, vì câu trả lời của bà S không có căn cứ, hoàn toàn mang tính chủ quan, không giải đáp được thắc mắc của thành phần tham dự nên chúng tôi đã đề nghị bà S chỉ đạo cho kế toán lập lại Báo cáo quyết toán quý IV năm 2018, từ đó kéo theo phải điều chỉnh Quyết toán quý IV từ lãi 29.744.683đ sang lỗ 243.060.496đ. Ngoài ra, bảng giá thành sản phẩm tháng 12 năm 2018 đã không được gửi đến ông Trần Đình T theo đúng quy định pháp luật và nội quy Công ty. Ngày 29 tháng 01 năm 2019 Công ty đã tổ chức cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018. Tại cuộc họp này, Đại hội Cổ đông thống nhất thông qua việc bà S từ nhiệm chức Giám đốc và Chủ tịch HĐQT, thành lập Ban Điều hành mới có ông Trần Đình T lên giữ chức vụ Giám đốc, bà Huỳnh Thị kim L giữ chức vụ Kế	

				toán trưởng cùng các thành viên khác. Đồng thời cũng trong cuộc họp thường niên, Đại hội Cổ đông đã thông qua Báo cáo kết quả sản phẩm, sản xuất kinh doanh 2018 với các số liệu cụ thể trong có trong báo cáo tài chính năm 2018 đã được Ban kiểm soát thẩm định. Tuy nhiên, sau khi lên giữ chức vụ Giám đốc Công ty, dựa trên những nghi ngờ đã có trước đây và để phục vụ công việc bàn giao giữa giám đốc cũ và mới, ông Trần Đình T đã quyết định kiểm kê lại toàn bộ vật tư, công cụ, sản phẩm hàng hóa tồn kho hiện tại của Công ty. Ngày 04 tháng 3 năm 2019 ông T đã có Quyết định số 01/QĐ/NHS thành lập của kiểm kê mới gồm 7 thành viên (không bao gồm ông T và bà S) đề nghị kiểm kê vật tư, hàng hóa nguyên liệu nhưng không bao gồm Clinker một cách trung thực, khách quan, minh bạch, rõ ràng. Tiếp đó, ngày 01 tháng 3 năm 2019 Công ty yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn V tiến hành giám định về thể tích khối lượng liên cơ thực tế về thể tích và khối lượng Clinker thực tế. Kết quả giám định ngày 04 tháng 3 năm 2019 cho thấy rằng tổng lượng Clinker là 1.433,23 tấn. So sánh, đối chiếu với kết quả kiểm kê, số liệu kế toán của bà S được thể hiện qua báo cáo tài chính, Công ty nhận thấy sự chênh lệch thừa, thiếu nguyên vật liệu hàng hóa. Vì vậy, tại thời điểm bàn giao thực tế ngày 17 tháng 05 năm 2019 giữa bên bàn giao bà S và bên nhận bàn giao ông Trần Đình T, dưới sự chứng kiến của Kế toán trưởng và nguyên Kế toán trưởng cùng các thành viên Ban kiểm soát, ông T và bà S đã cùng ký vào biên bản bàn giao thể hiện rõ nội dung thừa, thiếu nêu trên và giá trị tổn thất sau khi bù trừ giữa bên thừa và thiếu là 888.287.701đ. Cũng trong ngày 17 tháng 5 năm 2019, Công ty tiến hành họp xử lý thiếu, thừa trong Biên bản kiểm kê bàn giao giữa hai Giám đốc, thống nhất lấy khoảng thừa ngoài sổ sách của Bi cầu các loại, tổng giá trị là 219.400.000đ, bù trừ khoản thiếu trong biên bản bàn giao. Giá trị nguyên vật liệu còn thiếu sau bù trừ là 668.877.701đ. Biên bản có chữ ký bên giao (bà S) bên nhận (ông Trần Đình T) và các thành viên khác. Việc thiếu hụt giá trị khối lượng hàng hóa nêu trên không rõ lý do trong khi sổ sách thể hiện đầy đủ đã chứng minh bà S không hoàn thành nhiệm vụ điều hành quản lý Công ty theo định tại khoản 4 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2014 *"giám đốc và tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng định pháp luật, điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và Nghị quyết Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định mà gây thiệt hại cho công ty thì giám đốc hoặc tổng đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty"* Do đó, ngày 28 tháng 6 năm 2019 Công ty đã tổ chức cuộc họp xử lý bồi thường thiệt hại, yêu cầu bà S bồi thường thiệt hại cho Công ty bằng trách nhiệm cá nhân. Tuy nhiên, bà S chỉ đồng ý bồi thường một khoản tiền tương ứng hai tháng lương hưu.	

				Ngày 01 tháng 7 năm 2019 Công ty họp HĐQT nhằm thống nhất chọn phương án phát hành phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các mức bồi thường về khoản thất thoát, thiếu hụt hàng tồn kho của bà S. Kết quả mức bồi thường 70% đến 100% giá trị thiệt hại chiếm 51% cổ phần biểu quyết. Tại Thư mời số: 211/ TM/NHS ngày 15 tháng 10 năm 2019 được gửi trực tiếp cho bà S, Công ty đã mời bà S lên thương lượng trước ngày 30 tháng 10 năm 2019, nếu không, công ty sẽ tiến hành khởi kiện ra cơ quan pháp luật để giải quyết. Tuy nhiên bà S không đồng ý và hai bên không đi đến thống nhất chung. Nay Công ty Cổ phần xi măng N đề nghị Tòa án xem xét những yêu cầu khởi kiện: Giải quyết tranh chấp nội bộ doanh nghiệp giữa Công ty Cổ phần Xi măng N và bà Phạm Thị S nguyên là Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần N về việc thất thoát tài sản trong thời gian bà S đương nhiệm; Buộc bà S bồi thường Công ty Cổ phần Xi măng N toàn bộ thiệt hại là 668.887.701đ, do hành vi quản lý, điều hành Công ty không đúng trong theo đúng pháp luật của bà S gây ra trong thời gian đương nhiệm. **Toà án sơ thẩm tuyên:** Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu "*Tranh chấp bàn giao tài sản công ty"* của Công ty Cổ phần Xi măng N về việc buộc bà Phạm Thị S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền: 668.887.701đ. **Toà án phúc thẩm tuyên:** 1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu "*Tranh chấp bàn giao tài sản công ty"* của Công ty Cổ phần Xi măng N về việc buộc bà Phạm Thị S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Xi măng N số tiền: 668.887.701đ. 2. Án phí phúc thẩm: Buộc Công ty Cổ phần Xi măng N phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0004769 ngày 22/10/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. 3. Án phí sơ thẩm, quy định về thi hành án được thực hiện theo quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2021/KDTM-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. **Cơ sở pháp lý:** - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 4 Điều 30; Điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 93; 1 Điều 308	

				- Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 4 Điều 157; Điểm a khoản 3 Điều 136; Điều 146; Điểm k khoản 1 Điều 149 và Điều 165, Điều 160, Điều 161 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: khoản 1 Điều 29	
7.	**01/2022/ KDTM-ST**	**15/09/2022**	**TAND tỉnh Thái Bình**	**Bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 15/09/2022 của TAND tỉnh Thái Bình V/v "Tranh chấp tranh chấp giữa các cổ đông và người quản lý liên quan đến hoạt động của Công ty"** **Thông tin chung** - Quan hệ pháp luật:Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty... - Cấp xét xử:Sơ thẩm - Loại vụ/việc:Kinh doanh thương mại - Tòa án xét xử:TAND tỉnh Thái Bình - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ/việc: Ông Nguyễn Ngọc C - ông Phạm Văn L **Tóm tắt nội dung vụ án:** Công ty Công ty vật tư nông nghiệp Hưng Hà được nhà nước chuyển đổi thành Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hưng Hà theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0803000064 đăng ký lần đầu ngày 23/10/2002, ngành nghề kinh doanh: Buôn bán lẻ xăng dầu, phân bón, nông cụ dịch vụ nông nghiệp. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phạm Văn L, sinh năm 1963; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT). Khi bàn giao tài chính thì các nguyên đơn không nắm được cụ thể tài sản có và công nợ của công ty. Tại hồ sơ bàn giao công ty giữa ông Phạm Đình K và Bà Nguyễn Thị T đã thể hiện chính xác nhất tình hình tài chính của công ty lúc đó. Về nhân sự: Khi chuyển đổi doanh nghiệp có 20 cổ đông sáng lập. Ngày 14/8/2002, Công ty tổ chức đại hội bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì ông L Văn T, ông Hoàng Văn N, ông Tạ Thanh L, ông Nguyễn Văn V, ông Phạm Đình K báo cáo (bằng miệng) công ty xin nghỉ việc không lương do công ty không bố trí việc	https://drive.google.com/file/d/1wCyFHu-ryaix4aQMmqZCGCHlglfREEN_/view?usp=drive_link

				làm từ đó đến ngày 27/9/2021. Ông T, ông N, ông L, ông V tự đóng bảo hiểm xã hội, còn ông L, ông B, bà T, ông C, bà T tiếp tục làm việc cho đến ngày đại hội lần thứ 2 năm 2021. Trước năm 2021, ông T nắm giữ 11/693 cổ phần, ông C nắm giữ 20/693 cổ phần, ông L nắm giữ 36/693 cổ phần, ông N nắm giữ 32/693 cổ phần, ông V nắm giữ 66/693 cổ phần, ông K nắm giữ 82/693 cổ phần. Tại Đại hội cổ đông của công ty ngày 28/11/2021, Hội đồng quản trị công ty đã bầu ông Lê Văn T giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị thay ông Phạm Văn L. Đến ngày 09/12/2021, Công ty đã tiến hành thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần thứ nhất đối với người đại diện theo pháp luật của công ty, nâng vốn điều lệ lên 21.483.000.000 đồng, tương đương với 693 cổ phần ban đầu, mệnh giá 100.000 đồng/1 cổ phiếu, sau khi chào bán, các cổ đông gồm các nguyên đơn đã mua theo đúng quy định pháp luật đã nộp tiền đầy đủ tại ngân hàng sau đó các nguyên đơn chưa sử dụng đến số tiền này lại cho vay lại đối với chính cổ đông đó, ngoài ra còn những nội dung khác trong giấy chứng nhận kinh doanh có thay đổi hay không các nguyên đơn không rõ. Ông Phạm Văn L đã cố tình vi phạm pháp luật trong mọi lĩnh vực gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của các cổ đông từ khi đảm nhiệm chức vụ là chủ tịch Hội đồng quản trị tính từ năm 2002 đến tháng 8/2021 như: Không tổ chức Đại hội cổ đông theo nhiệm kỳ 5 năm/1 lần, không báo cáo tài chính hàng năm, không hạch toán lỗ lãi, không định hướng phát triển công ty dẫn đến ông L chưa bao giờ chia cổ tức cho các cổ đông trong Công ty. Ông L một mình chuyên quyền quyết đoán mọi hoạt động của Công ty, toàn bộ tài sản của Công ty khi cổ phần hóa gồm nhà kho, cửa hàng, xe ô tô... một mình ông L tự đứng bán và thu tiền số tiền đến hàng trăm triệu không biết ông L đã sử dụng vào mục đích gì. Trong quá trình kinh doanh xăng dầu tại hai cây xăng Thị Độc, Duyên Hà và Thị An Hưng Nhân đều đặn bán từ 100.000 lít đến 180.000 lít xăng dầu một tháng nhưng ông L chi tiền lương cho công nhân từ 350.000đồng/tháng trong năm 2001 đến 5 triệu đồng/tháng trong năm 2021 tùy theo thời điểm, còn lại ông L chiếm đoạt số tiền hàng chục tỷ đồng. Việc đóng bảo hiểm thấp ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi người lao động. Ông Phạm Văn L nhận lương hưu nhiều năm nay nhưng đến nay lại tự bán 2 cửa hàng xăng dầu của Công ty cho một Công ty. Ông L đã chiếm đoạt 66 cổ phần của Ông Nguyễn Văn V: Năm 2006, Ông V có đơn đề ngày 06/9/2006 gửi Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hưng Hà đề nghị Lãnh đạo Công ty thanh toán số cổ phần của ông. Tại Cuộc họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 11/9/2006 đã nhất trí chi trả toàn bộ giá trị cổ phần cho ông V nhưng thực tế ông V chưa nhận được số tiền này và ông V cũng không còn tên trong danh sách cổ đông của Công ty. Ông Phạm Văn L đã chiếm đoạt 66 cổ phần của ông V với trị giá hiện tại trên 500.000.000 đồng. **Trưởng ban kiểm soát của Công ty cũng có sai phạm sau:**	

				Năm 2002 đến năm 2021, HĐQT bầu bà Nguyễn Thị T là Kiểm soát viên, bà T biết rõ HĐQT không triệu tập họp Hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, biết rõ một số tài sản của Công ty bị Chủ tịch HĐQT bán không thông qua các cuộc họp ĐHĐCĐ và HĐQT. Việc Chủ tịch HĐQT tự quyết cho ông Nguyễn Văn V nghỉ là trái pháp luật. Hằng năm không kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực và tính cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động, kinh doanh; công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; không kiểm tra, kiểm soát lý do Chủ tịch HĐQT tự ý làm con dấu chức danh giám đốc, không phân công công tác cho Giám đốc điều hành; không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông nên để xảy ra những vi phạm nghiêm trọng của ông Phạm Văn L - Chủ tịch HĐQT kéo dài trong suốt 20 năm là có dấu hiệu của tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015. **Đối với kế toán của công ty cũng có sai phạm sau:** Ông Đinh Đức B là Kế toán của Công ty phải biết rõ những tài sản cố định được chuyển từ Công ty Vật tư nông nghiệp sang Công ty cổ phần gồm có các tài sản gì. Quá trình hoạt động kinh doanh xăng, dầu của công ty lỗ, lãi đều được ông B hạch toán, báo cáo, kê khai nộp thuế. Khi ông L tự ý cho doanh nghiệp tư nhân (Ông Q) thuê lại đất làm nhà xưởng, cửa hàng kinh doanh, ông B tự viết phiếu thu tiền chi tiêu cá nhân. Trước khi nghỉ, ông B không bàn giao sổ sách, hóa đơn chứng từ và các tài liệu có liên quan đến tài sản, hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo quy định của pháp luật về kế toán tài chính thì những sổ sách, hóa đơn chứng từ, báo cáo quyết toán thu chi của Doanh nghiệp phải lưu trữ đến 10 năm từ năm 2001 đến nay là 20 năm. Nếu tính về số lần tiêu hủy tài liệu sau 10 năm thì đến nay Công ty đã có ít nhất 10 lần tiêu hủy tài liệu, sổ sách giấy tờ nhưng các lần tiêu hủy đó HĐQT không có biên bản, không có quyết định tiêu hủy tài liệu và cũng không được lập văn bản tiêu hủy các tài liệu. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: 1. Buộc ông L thực hiện báo cáo tài chính công khai trước đại hội cổ đông kể từ năm 2001 đến nay. 2. Buộc ông L phải trả lại cho công ty toàn bộ số tiền đã bán tài sản của công ty. 3. Buộc ông L phải trả lại phần lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh xăng dầu trong 20 năm để chia trả cho các cổ đông. 4. Buộc ông L vào tội có dấu hiệu chiếm đoạt, truy cứu hình sự về hành vi chiếm đoạt 66 cổ phần của Ông Nguyễn Văn V. Chấm dứt ngay việc tự ý bán Công ty sổ phần vật tư tổng hợp vật tư Hưng Hà cho công ty khác.	

				5. Buộc ông L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong việc chiếm đoạt tiền bảo hiểm của cổ đông. 6. Buộc bà T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tinh thần thiếu trách nhiệm gây hậu quả đối với các cổ đông. 7. Buộc ông B chịu trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt từ việc cho thuê đất ông Q và tiền cho thuê cửa hàng ăn uống. **Tại Đơn sửa đổi, rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 11/7/2022, các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án:** 1. Buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới bồi thường và hoàn trả toàn bộ lợi nhuận ròng có được từ hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hưng Hà từ năm 2002 đến hết năm 2021 để chia cổ tức cho cổ đông theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty như sau: 1.1. Các bị đơn đều khai nhận: kể từ khi được chuyển đổi, thành lập ngày 23/10/2002 đến năm 2006, Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hưng Hà đã có khoản lợi nhuận ròng: 500.000.000 đồng. Phần lợi nhuận ròng này sẽ được dùng để chia cho các cổ đông, lập quỹ hoặc để dành để đầu tư cho các dự án trong tương lai gần của doanh nghiệp theo Điều lệ của công ty (Điều 16); 1.2. Ngày 17/10/2001 tại Hợp đồng giao nhận doanh nghiệp Nhà nước thể hiện tại BL 299) thì giá trị thực của Công ty là 324.369.058 đồng nên không có việc huy động vốn với số tiền: 350.000.000 đồng cho Công ty cổ phần vật tư Hưng Hà. 1.3. Căn cứ Công văn số 3585/CCT-NVDT của Chi cục thuế khu vực Quỳnh Phụ, Hưng Hà ngày 27/5/2021 thì số tiền thuế từ 2011 đến 2021 đã nộp tính được lợi nhuận ròng là 157.190.947 đồng. 1.4. Số tiền cho thuê đất tại hai hợp đồng thuê với bà H và ông Q, tiền chuyển từ tài khoản công ty sang tài khoản cá nhân của ông B tổng là 217.000.000 đồng. Như vậy, Tổng số lợi nhuận ròng (lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp) mà Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hưng Hà có được từ năm 2002 đến năm 2021 là: (500.000.000 + 350.000.000 + 157.190.947) + 217.000.000 = 1.224.190.947 đồng.	

				2. Đề nghị Tòa án xem xét chuyển hồ sơ vụ án và yêu cầu cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình tiến hành điều tra làm rõ hành vi của các bị đơn nói trên và khởi tố vụ án hình sự đối với các bị đơn nếu các hành vi đó đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm của các tội: + Tội vi phạm về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 221 Bộ luật hình sự đối với ông Đinh Đức B đã không thực hiện đúng chế độ lưu giữ tài liệu kế toán quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hưng Hà), quy định của Luật kế toán (Điều 41 Luật kế toán 2015) và pháp luật có liên quan. + Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355 BLHS) hoặc Tội đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 BLHS) hoặc Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175 BLHS). Bởi vì: Đối chiếu số tiền lợi nhuận - thuế mà các bị đơn nói trên ký xác nhận tại các "Biên bản bàn giao số tiền lợi nhuận sau thuế của các năm 2016, 2017, 2018, 2019 (Bút lục số 182, 183, 184, 185) với "Bảng tổng hợp Lợi nhuận để chia cổ tức của Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hưng Hà từ năm 2011 – 2021" (nêu trên) có dấu hiệu của việc làm sai sổ sách kế toán, có dấu hiệu của sự chiếm đoạt lợi nhuận sau thuế (lợi nhuận ròng), chiếm đoạt cổ tức của các cổ đông Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hưng Hà. Ngoài ra, các nguyên đơn xác định không có việc 05 người đóng số tiền là 350.000.000 đồng và vay thêm 500.000.000 đồng để xây dựng hai cây xăng vì trong 05 giấy thu tiền không thể hiện có chữ ký của chủ tịch hội đồng quản trị và không có phiếu thu của công ty. Những giấy biên nhận này được lập sau thời điểm chúng tôi nộp đơn khởi kiện. Tại phiên tòa: Ông K trình bày đã nhận số tiền 2.531.900 đồng từ ông H là nhân viên bưu điện Hưng Hà để trả tiền mua xăng dầu của Công ty cổ phần vận tải Hưng Hà (Cây xăng Đồng Tu do ông K làm chủ cây xăng). Ông T xác định trong biên bản bàn giao tài sản không có 2 cây xanh. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho các đồng nguyên đơn bổ sung: Yêu cầu nhóm HĐQT gồm ông L, ông B, bà T phải liên đới trả lại HĐQT mới số tiền 1.224.190.947đồng để HĐQT mới tự chia cổ tức công ty theo tỷ lệ sở hữu của phần trong Công ty. Đồng thời đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ đến Cơ quan điều tra công an tỉnh Thái Bình để khởi tố vụ án hình sự về các tội vi phạm chế độ kế toán, chiếm đoạt tài sản của Công ty. **Toà án sơ thẩm tuyên:** 1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Ngọc C, Ông L Văn T, Ông Tạ Thanh L, Ông Nguyễn Văn V, Ông Hoàng Văn N, ông Phạm Đình K về buộc ông Phạm Văn L thực hiện báo cáo tài chính công khai trước đại hội cổ đông kể từ năm 2001 đến nay, buộc ông L phải trả lại cho công ty	

				toàn bộ số tiền đã bán tài sản của công ty và chấm dứt ngay việc tự ý bán Công ty cổ phần vật tư tổng hợp vật tư Hưng Hà cho Công ty khác. 2. Không đặt ra giải quyết yêu cầu của Ông Nguyễn Ngọc C, Ông L Văn T, Ông Tạ Thanh L, Ông Nguyễn Văn V, Ông Hoàng Văn N, ông Phạm Đình K về việc chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình để làm rõ hành vi của ông Phạm Văn L, Bà Nguyễn Thị T và Ông Đinh Đức B. 3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Ngọc C, Ông L Văn T, Ông Tạ Thanh L, Ông Nguyễn Văn V, Ông Hoàng Văn N, ông Phạm Đình K buộc các bị đơn là ông L, Ông B, Bà T liên đới trả lại 157.190.947 đồng cho Hội đồng quản trị do Ông Lê Văn T là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hưng Hà để chia cổ tức cho các cổ đông theo điều lệ Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hưng Hà. 4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 15/9/2022, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự. 5. Về án phí: Ông Phạm Văn L, Bà Nguyễn Thị T, Ông Đinh Đức B liên đới chịu 7.859.000 đồng kinh doanh thương mại sơ thẩm, theo kỷ phần mỗi người phải chịu là 2.619.000 đồng. **Cơ sở pháp lý:** - Bộ luật dân sự năm 2015: điều 468 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 4 Điều 30, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 92 - Bộ luật hình sự 2015: Điều 221, Điều 174, Điều 355, Điều 175 - Luật kế toán 2015: Điều 41 - Luật Doanh nghiệp 2014: - Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án: Khoản 2 Điều 27 - Luật thi hành án dân sự: Điều 2,6,7,9,30	

8.	**64/2023/ KDTM-PT**	**26/06/2023**	**TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh**	**Bản án số 64/2023/KDTM-PT ngày 26/06/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh V/v Tranh chấp trách nhiệm của người quản lý công ty** **Thông tin chung** - Quan hệ pháp luật:Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty... - Cấp xét xử:Phúc thẩm - Loại vụ/việc:Kinh doanh thương mại - Tòa án xét xử:TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ/việc: giữ nguyên bản án sơ thẩm **Tóm tắt nội dung vụ án:** Công ty A (sau đây gọi tắt là Công ty A) hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305432325 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/01/2008. Nguyên đơn ông Phạm Hạ X là thành viên, cổ đông sở hữu 40.000 cổ phần của Công ty A. Từ tháng 4/2008 đến tháng 4/2010, ông X tham gia quản lý công ty với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Đến tháng 4/2010, ông X từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị và không tham gia quản lý công ty nữa. Từ đây, (ngoại trừ kỳ Đại hội đồng cổ đông họp về thông qua báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động năm 2009, vào tháng 4/2010), tất cả các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường người quản lý công ty đã không có bất kỳ thông báo nào cho ông X biết trước cũng như sau mỗi cuộc họp; và công ty cũng không đề cập gì đến việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, việc chi trả cổ tức và các quyền lợi khác của cổ đông. Tháng 5/2011, Công ty A đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 10, bổ sung ngành nghề kinh doanh và đã được Phòng Đăng Ký Kinh Doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/7/2011. Ông X không được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quyết định việc thay đổi này nhưng hồ sơ đăng ký lại thể hiện ý kiến và quyết định của ông X theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 22/5/2011. Tháng 3/2012, Công ty A đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 11, thay đổi trụ sở công ty và đã được Phòng Đăng Ký Kinh Doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2012. Ông X không	https://drive.google.com/file/d/1exIN51OeLALVqtJTzSFHWUDaMSz2P6FZ/view?usp=drive_link

				được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quyết định việt thay đổi này, nhưng hồ sơ đăng ký thay đổi lại tiếp tục thể hiện ý kiến và quyết định của ông X theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 19/3/2012. Tháng 5/2012, Công ty A đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh lần thứ 12, bổ sung ngành nghề kinh doanh và đã được Phòng Đăng Ký Kinh Doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/5/2012. Một lần nữa, ông X không được mời tham dự cuộc họp để quyết định vấn đề này nhưng hồ sơ đăng ký thay đổi lại vẫn tiếp tục thể hiện ý kiến và quyết định của ông X, theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 20/5/2012. Ngày 29/8/2012, ông X gửi văn bản yêu cầu ông Nguyễn Thế Y – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty A yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động, báo cáo tài chính; các biên bản họp, nghị quyết, quyết định Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thường niên và bất thường các năm 2010, 2011, 2012... và yêu cầu tổ chức buổi làm việc để trao đổi các vấn đề liên quan đến việc thực hiện các quyền của cổ đông. Đến ngày 03/10/2012, ông Y gửi văn bản xác nhận sẽ chỉ cung cấp các bản sao biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2010, 2011, 2012 thông qua cô Lê Thị Ánh T; từ chối việc cung cấp các văn bản còn lại và không chịu tổ chức buổi làm việc giải quyết như ông X yêu cầu. Sau đó, ông X có liên lạc với cô T và được cô T thông báo sẽ gửi văn bản qua đường bưu điện. Tuy nhiên, đến nay, ông X vẫn chưa nhận được những văn bản này. Tháng 6/2013, Công ty A đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh lần thứ 13, thay đổi địa chỉ trụ sở công ty và đã được Phòng Đăng Ký Kinh Doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 07/6/2013. Ông Y quyết định không mời ông X tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông họp quyết định về việc này theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 25/5/2013 ông Y nộp cho Toà. Tháng 8/2013, ông Y tự ý cho Công ty A chấm dứt sản xuất kinh doanh và cho Công ty TNHH Sản xuất Elip thuê lại toàn bộ nhà xưởng của chi nhánh của công ty tại địa chỉ L.06B, Khu CN Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Trong khi hợp đồng cho thuê này phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và công ty chưa có chức năng kinh doanh cho thuê nhà xưởng. Ngày 03/9/2013, ông X gửi văn bản yêu cầu Công ty A mua lại toàn bộ 40.000 cổ phần của mình với giá là 10.000 đồng/cổ phần nhưng không thành nên ngày 18/9/2013 ông X đã khởi kiện buộc ông Y - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc Công ty A phải cung cấp cho ông X bản sao các biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường; báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành các năm 2010, 2011, 2012, 2013 của Công	

				ty A; bồi thường thiệt hại 200.000.000 đồng và yêu cầu công ty mua lại toàn bộ 40.000 cổ phần của ông X với giá là 10.000 đồng/cổ phần. Ngày 09/11/2013, ông Y thông báo công ty chỉ đồng ý mua lại 40.000 cổ phần của ông X với giá là 1 đồng/cổ phần. Ngày 15/11/2013, Công ty A tiếp tục tiến hành đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh lần thứ 14, thay đổi ngành nghề kinh doanh và đã được Phòng Đăng Ký Kinh Doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 09/12/2013, với lý do là được sự đồng ý của các cổ đông nắm giữ 90% số cổ phần, ông Y không mời ông X tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quyết định vấn đề này. Tháng 12/2013, ông X nộp đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu chấm dứt việc cho thuê nhà xưởng tại KCN Long Hậu; khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh tại Long Hậu; buộc ông Y bồi thường thiệt hại bổ sung số tiền là 199.960.000 đồng; triệu tập Công ty Cổ phần Long Hậu và Công ty TNHH Sản xuất Elip tham gia vụ án với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Ngày 19/4/2021, ông X có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: - Buộc ông Nguyễn Thế Y và Công ty A chấm dứt việc cho thuê nhà xưởng tại KCN Long Hậu; - Buộc ông Nguyễn Thế Y và Công ty A khôi phục lại sản xuất kinh doanh của công ty tại chi nhánh KCN Long Hậu; - Buộc Công ty A mua lại 40.000 cổ phần của ông X với giá là 10.000 đồng/cổ phần; - Triệu tập Công ty Cổ phần Long Hậu và Công ty TNHH Sản xuất Elip tham gia vụ án với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan; Ông X xác định yêu cầu khởi kiện hiện nay là: - Buộc ông Nguyễn Thế Y - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc Công ty A cung cấp cho ông X toàn bộ bản sao Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết (hoặc Quyết định) thường niên và bất thường năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015; Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán thuế các năm 2010, 2011, 2012; Báo cáo tình hình kinh doanh các năm 2010, 2011, 2012; Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành, điều hành các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014 của Công ty A;	

				- Buộc ông Nguyễn Thế Y - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc Công ty A bồi thường toàn bộ giá trị cổ phần bị thiệt hại là 339.671.066 đồng. **Toà án sơ thẩm tuyên:** 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hạ X về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thế Y, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty A phải bồi thường toàn bộ giá trị cổ phần bị thiệt hại cho ông Phạm Hạ X số tiền là 339.671.066 (ba trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi mốt ngàn, không trăm sáu mươi sáu) đồng. 2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: - Buộc ông Nguyễn Thế Y và Công ty A chấm dứt việc cho thuê nhà xưởng tại KCN Long Hậu; - Buộc ông Nguyễn Thế Y và Công ty A khôi phục lại sản xuất kinh doanh của Công ty tại chi nhánh KCN Long Hậu; - Buộc Công ty A mua lại 40.000 cổ phần của ông X với giá là 10.000 đồng/cổ phần; - Triệu tập Công ty Cổ phần Long Hậu và Công ty TNHH Sản xuất Elip tham gia vụ án với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan. - Buộc ông Nguyễn Thế Y cung cấp cho ông Phạm Hạ X toàn bộ bản sao Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết (hoặc Quyết định) thường niên và bất thường các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015; Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán thuế các năm 2010, 2011, 2012; Báo cáo tình hình kinh doanh các năm 2010, 2011, 2012; Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014 của Công ty A. **Toà án phúc thẩm tuyên:** 1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Hạ X và giữ nguyên bản án sơ thẩm. 2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Phạm Hạ X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.983.553 (Mười sáu triệu, chín trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi ba) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo Biên lai thu số 05941 ngày 02/10/2013; số tiền 2.000.000	

				(Hai triệu) đồng theo Biên lai thu số 07373 ngày 26/8/2014; số tiền 4.990.000 (Bốn triệu, chín trăm chín mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số 07374 ngày 26/8/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Phạm Hạ X còn phải nộp thêm số tiền án phí là 4.993.553 (Bốn triệu, chín trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm năm mươi ba) đồng. 3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Phạm Hạ X phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (do ông Nguyễn Ngọc S nộp thay) theo Biên lai số 0001294 ngày 01/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. **Cơ sở pháp lý:** - Bộ luật dân sự năm 2005: Điều 604 và 605 (nay là Điều 584 và 585 Bộ luật dân sự 2015) - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308; Khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 273, - Điều 280 - Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 9, Điều 11, Điều 41, Điều 56 Điều lệ và Điều 79, Điều 80; Điều 97, 98, 99, 100, 106, 108, 111, 116, 118, 119, 128 và 129; điểm d khoản 1 Điều 114 và Điều 122 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Luật thi hành án dân sự: Điều 6, 7, 7a, 9, 30.	